TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 436/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2019
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót

2. Ông Dương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên toà:*

Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1973. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 340/4 ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn C, sinh năm 1976. Vắng mặt.

ĐKTT: 340/4 ấp GH, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở: 15/2 ấp AK, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn Lê Thị Mỹ Hạnh trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Võ Văn C tại Ủy ban nhân dân xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre vào ngày 31/12/2002, hôn nhân giữa chị và anh C là tự nguyện. Trong quá trình đăng ký kết hôn có sai sót nên trong giấy chứng nhận kết hôn ghi chị sinh năm 1974. Sau khi kết hôn chị và anh C sinh sống tại xã AĐ. Do việc nuôi tôm thua lỗ khiến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cự cãi, anh C về nhà mẹ ruột ở xã M sinh sống, chị và anh C sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, hiện nay anh C cũng đã có người phụ nữ khác, vợ chồng chị không còn liên lạc.

Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C. Khi ly hôn chị không yêu cầu anh C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng.

Về nuôi con chung: chị và anh C có con chung là Võ Minh T, sinh ngày 05/3/2001. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, có việc làm và đủ khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Võ Văn C đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng đều vắng mặt không có lý do, anh C không có văn bản nêu ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có yêu cầu phản tố gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị Mỹ H thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Võ Văn C chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Hôn nhân của chị H và anh C là hôn nhân hợp pháp. Do chị H và anh C có thời gian dài sống ly thân nhưng không hàn gắn được tình cảm nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hạnh, cho chị H ly hôn với anh C.

Về nuôi con chung: chị H và anh C có con chung là Võ Minh T, sinh ngày 05/3/2001. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, có việc làm và đủ khả năng lao động. Do đó chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Mỹ H, chị H yêu cầu ly với anh C nên đây là tranh chấp "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Võ Văn C có tạm trú tại 15/2 ấp AK, xã M, huyện P, tỉnh Bến Tre theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị Mỹ H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận . Bị đơn Võ Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần

thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Võ Văn C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: chị H và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã AĐ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/12/2002 nên hôn nhân của chị H và anh C là hôn nhân hợp pháp. Chị H có yêu cầu ly hôn với anh C là do vợ chồng sống chung có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, cả hai có thời gian dài không quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Anh C biết rõ việc chị H có đơn xin ly hôn với anh và anh đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu của Tòa án nhiều lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Từ đó có căn cứ kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H có yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H ly hôn với anh C. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét.

[5] *Về nuôi con chung*: chị H và anh C có con chung là Võ Minh T, sinh ngày 05/3/2001. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, có việc làm và đủ khả năng lao động. Do đó chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về chia tài sản:* Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

[7] *Về án phí:* Chị H phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mỹ H. Cho chị Lê Thị Mỹ H ly hôn với anh Võ Văn C. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

2. Về nuôi con chung: chị H và anh C có con chung là Võ Minh T, sinh ngày 05/3/2001. Hiện nay cháu T đã trưởng thành, có việc làm và đủ khả năng lao động. Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai số 0001740 ngày 23-4-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã AĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh